

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2023/DSST
Ngày 12-7-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU,
TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hạ;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đào Thị Lan;

2. Ông Trần Minh Châu.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai, thư ký
Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dương Minh Châu tham gia
phiên tòa: Bà Lâm Phượng Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dương
Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm tranh chấp vụ án dân sự thụ lý số
236/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng
vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2023/QĐXX ngày 19
tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Phan Thanh T**, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp XM,
xã Trí B, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1972; có mặt.

Chị **Huỳnh Thị C**, sinh năm 1979; có mặt.

Cùng nơi cư trú: Ấp Phước B 1, xã SĐ, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh
Tây Ninh.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Ch, ở tại ấp PhL, xã SĐ, Huyện Dương
Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Anh Phan Thanh T trình bày:

Qua người quen anh Nguyễn Ch giới thiệu, anh có cho vợ chồng anh H
vay tiền nhiều lần, cụ thể:

Lần 1: Vào đầu năm 2021 (không nhớ cụ thể ngày tháng): Vay
100.000.000 đồng, hai bên có làm giấy nợ do vợ chồng anh H ký tên vay, lãi

2.500.000 đồng/tháng/100.000.000 đồng. Tiền này vợ chồng anh H chưa trả gốc, tiền lãi đã trả đến ngày 19-11-2021.

Lần 2: Khoản 1-2 tháng sau lần vay trên: 50.000.000 đồng. Chị C nói vay vài ngày nên nên lãi tùy chị C cho, hai bên không thỏa thuận lãi. Chị C đã trả tiền gốc, lãi cho anh.

Lần 3: Khoảng 20 ngày sau lần vay thứ hai: 70.000.000 đồng. Chị C nói vay vài ngày nên lãi tùy chị C cho anh, hai bên không thỏa thuận lãi. Lần vay này chỉ có một mình chị C ký tên vay. Sau đó vài ngày thì chị C đã trả đủ tiền lãi, trả gốc nhưng còn nợ lại anh tiền gốc là 35.000.000 đồng.

Lần 4: Vào ngày 19-11-2021: Vay 50.000.000 đồng.

Cùng 19-11-2021, hai bên chốt nợ: Nợ cũ bao gồm nợ số tiền gốc đã vay lần 1 là 100.000.000 đồng, số tiền gốc 35.000.000 đồng còn nợ lại của vay lần 3, vay mới ngày 19-11-21 là 50.000.000 đồng, tổng cộng 185.000.000 đồng. Hai bên tính toán hết nợ thì viết giấy mượn tiền chốt số tiền gốc là 185.000.000 đồng, không có tiền lãi. Giấy nợ do anh viết, chị C, anh H thống nhất nên ký tên và ghi họ tên của mình trên giấy nợ. Do có giấy chốt nợ tổng cộng 185.000.000 đồng nên không có làm giấy nhận nợ riêng của số tiền 50.000.000 đồng vay ngày 19-11-2021. Việc chốt nợ và vay thêm tiền ngày 19-11-2021 thì không có ai khác chứng kiến, nhưng trước khi tôi cho chị C, anh H vay tiền thì có nói họ điện thoại cho anh Nguyễn Ch hỏi xem anh Ch có đồng ý không (lý do anh yêu cầu việc này là do anh không biết vợ chồng chị C, anh Ch đồng ý thì anh mới dám cho mượn tiền). Vì vậy anh Ch có biết sự việc cho vay tiền.

Thời điểm chốt nợ ngày 19-11-2021 thì vợ chồng anh H đã thanh toán đủ tiền lãi với mức lãi 2.500.000 đồng/tháng/100.000.000 đồng. Sau đó thì vợ chồng anh H không trả gốc cho anh, chỉ trả được tiền lãi 03 lần: 5.000.000 đồng ngày 24-01-2022, 10.000.000 đồng ngày 29-12-2021 và 3.000.000 đồng không nhớ ngày tháng nhưng trong năm 2022, tổng cộng 18.000.000 đồng. Anh có nhận từ chị C 50.000.000 đồng tại nhà anh Ch, nhưng số tiền 50.000.000 đồng này là tiền vay của lần thứ hai; không phải lần vay ngày 19-11-2021. Cuối năm 2022 anh có kiện vợ chồng chị C tại Tòa án Huyện Dương Minh Châu về số tiền 185.000.000 đồng nêu trên, sau đó rút đơn khởi kiện, lý do sau đó hai bên có cộng lại thì tiền gốc và tiền lãi lên đến hơn hai trăm triệu.

Nay anh khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh H, chị C trả số tiền 185.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật 20%/năm tính từ ngày ký giấy nhận nợ 19-11-2021 cho đến nay. Khoản tiền lãi anh đã nhận 18.000.000 đồng thì trừ vào tiền lãi còn nợ theo quy định pháp luật.

Chị Huỳnh Thị C trình bày:

Chị vay tiền của anh T hai lần:

Lần 1: Vào đầu năm 2021 (không nhớ cụ thể ngày tháng): 100.000.000 đồng, có làm giấy nợ do vợ chồng chị ký tên vay, lãi 6.000.000 đồng/tháng/100.000.000 đồng. Tiền gốc này chưa trả, lãi trả đủ đến ngày chị vay tiền lần 2 của anh T.

Lần 2: Vay năm 2021, cách lần 1 khoảng 01 năm (không nhớ cụ thể ngày tháng): Vay 50.000.000 đồng, có làm giấy nợ do vợ chồng chị ký tên vay, lãi 6.000.000 đồng/tháng/100.000.000 đồng.

Tổng cộng gốc 150.000.000 đồng thì mỗi tháng vợ chồng chị trả 9.000.000 đồng tiền lãi. Hàng tháng vợ chồng chị có trả lãi, nhưng do có thời điểm làm ăn khó khăn nên lãi trả không đủ. Vì vậy, vào ngày 19-11-2021 anh T mới làm giấy chốt nợ tổng tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và nợ lãi là 35.000.000 đồng, tổng cộng thành 185.000.000 đồng. Sau đó chị có trả được tiền lãi 18.000.000 đồng như anh T khai. Vào khoảng cuối năm 2022, chị có trả 50.000.000 đồng tiền gốc cho anh T tại nhà anh Nguyễn Ch. Khi trả tiền không làm giấy tờ, không lấy giấy nợ, chỉ có anh Ch chứng kiến. Hai ngày sau, Tòa án Huyện Dương Minh Châu báo chị đến Tòa án do anh T kiện. Chị liền điện thoại báo anh T, anh T nói để ngày mai anh T lên Tòa án rút đơn.

Nay chị đồng ý trả tiền gốc còn lại là 100.000.000 đồng, hiện hoàn cảnh khó khăn nên chị xin bỏ lãi.

Anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh thống nhất với lời khai và quyết định của chị C.

Anh Nguyễn Ch trình bày:

Vợ chồng anh H là người bán nhà cho anh nên hai bên quen biết. Sau đó chị C cần tiền nên nhờ anh hỏi giúp, anh có giới thiệu với anh T. Anh T và vợ chồng anh H mỗi lần vay tiền có nói với anh nhưng chỉ nói cho biết chứ anh không có chứng kiến, trừ lần đầu tiên hai bên cho vay. Vào cuối năm 2022, chị C có trả anh T 50.000.000 đồng tại nhà của anh, lúc đó anh không có nhà, hai người có điện thoại nói anh biết việc này, khi trả tiền có mẹ anh ở nhà nên có nói lại cho anh. Do thời gian lâu, sự việc lại không liên quan nên anh không nhớ chi tiết, cũng không biết chính xác hai bên hiện còn nợ bao nhiêu tiền.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh T đối với anh H, chị C.

Buộc anh H, chị C có trách nhiệm trả cho anh T số tiền nợ 135.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật, xem xét khấu trừ số tiền lãi 18.000.000 đồng anh H, chị C đã trả cho anh T.

Không chấp nhận yêu cầu của anh T về số tiền 50.000.000 đồng.

Về án phí: Đương sự chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Ch có đơn xin vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh H, chị C thừa nhận vào ngày 19-11-2021 có chót nợ với anh T với số tiền 185.000.000 đồng ngày 19-11-2021. Anh chị cho rằng trong số tiền này có 35.000.000 đồng tiền lãi nhưng tại giấy nợ không thể hiện có việc gộp lãi, anh chị không cung cấp được chứng cứ khác nên không có căn cứ chấp nhận.

Hai bên đương sự cũng thống nhất vào cuối năm 2022, chị C đã trả cho anh T 50.000.000 đồng. Chị C xác định chị trả tiền gốc, chỉ còn nợ 135.000.000 đồng, sau khi chị trả thì anh T rút đơn khởi kiện. Ban đầu anh T xác định chị C trả khoản nợ vay lần thứ hai vào đầu năm 2021; tại phiên tòa cho rằng là trả khoản nợ vay mới trong năm 2022 và tiền lãi của số tiền 185.000.000 đồng.

Xét thấy, về khoản nợ 50.000.000 đồng vay lần thứ hai vào đầu năm 2021 anh T đều khai sau khi vay vài ngày chị C đã trả xong gốc lãi; vì vậy tại giấy nợ ngày 19-11-2021 không có số tiền này. Nay anh lại cho rằng 50.000.000 đồng anh đã nhận vào cuối năm 2022 là khoản nợ của lần vay thứ hai vào đầu năm 2021 là không có căn cứ. Anh T cũng cho rằng khi anh khởi kiện chị C, anh H vào tháng 11-2022, lý do anh rút đơn khởi kiện là do tiền nợ chót ngày 19-11-2021 không đúng, thực tế tiền nợ trên 200.000.000 đồng nhưng anh không tính toán được cụ thể số tiền, thời điểm khởi kiện lại thì vẫn xác định số tiền gốc là 185.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh T lại khai số tiền 50.000.000 đồng chị C trả cuối năm 2022 là trả lãi và nợ mới vay năm 2022 nhưng anh không xác định được cụ thể từng khoản tiền. Do đó, lời khai của anh H, chị C về việc sau khi chót nợ 185.000.000 đồng, đã trả được 50.000.000 đồng gốc là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về tiền lãi:

Hai bên đương sự đều thống nhất đến ngày 19-11-2021, khi hai bên chót nợ thì anh H, chị C không còn nợ lãi. Từ ngày 20-11-2021 đến nay anh H, chị C trả được 18.000.000 đồng. Hai bên đương sự đồng ý khấu trừ số tiền lãi 18.000.000 đồng vào số tiền lãi phải trả.

Hai bên không xác định chính xác thời điểm chị C trả 50.000.000 gốc, nhưng xác định tại thời điểm anh T rút đơn khởi kiện, do đó xác định theo ngày anh T rút đơn kiện ngày 25-11-2022.

Do hai bên đương sự có tranh chấp về lãi, căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, mức lãi suất 10%/năm (tức 0,83%/tháng):

Tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20-11-2021 đến ngày 25-11-2022:

$0,83\%/tháng \times 12 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} \times 185.000.000 \text{ đồng} = 18.681.917 \text{ đồng}$ (làm tròn).

Từ ngày 26-11-2022 đến ngày 12-7-2023:

$0,83\%/tháng \times 07 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} \times 135.000.000 \text{ đồng} = 8.515.800 \text{ đồng}$.

Khấu trừ vào 18.000.000 đồng tiền lãi đã nhận, còn nợ lại tiền lãi:

$(18.681.917 \text{ đồng} + 8.515.800 \text{ đồng}) - 18.000.000 \text{ đồng} = 9.197.717 \text{ đồng}$.

Như vậy, anh H, chị C có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền tổng cộng: $135.000.000 \text{ đồng} + 9.197.717 \text{ đồng} = 144.197.717 \text{ đồng}$.

Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh T, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016:

Anh T phải chịu án phí đối với yêu cầu của anh không được Tòa án chấp nhận $50.000.000 \text{ đồng} : 50.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.500.000 \text{ đồng}$.

Anh H, chị C phải chịu án phí đối với yêu cầu của anh T được Tòa án chấp nhận: $144.197.717 \text{ đồng} \times 5\% = 7.210.000 \text{ đồng}$ (làm tròn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147; 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thanh T đối với anh Nguyễn Văn H, chị Huỳnh Thị C đối với số tiền 135.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Phan Thanh T đối với số tiền 50.000.000 đồng.

1.1. Buộc anh Nguyễn Văn H, chị Huỳnh Thị C có trách nhiệm trả cho anh Phan Thanh T số tiền 144.197.717 (*một trăm bốn mươi bốn triệu một trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm mười bảy*) đồng (trong đó gốc 135.000.000 đồng, lãi 9.197.717) đồng.

1.2. Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày 13-7-2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Anh Phan Thanh T phải chịu 2.500.000 đồng, được khấu trừ vào 4.625.000 đồng số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013403 ngày 09 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu. Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu hoàn trả cho anh Phan Thanh T 2.125.000 (*hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng.

2.2. Anh Nguyễn Văn H, chị Huỳnh Thị C phải chịu 7.210.000 đồng (*bảy triệu hai trăm mười nghìn*) đồng.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. “Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- CC THA Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

TẠ THỊ HẠ